

**HALONG CANNED FOOD JOINT STOCK CORPORATION**

71 Le Lai, May Chai Ward, Ngo Quyen Dist., Hai Phong City

T (84 225) 3836 692 | F (84 225) 3836 155 | www.canfoco.com.vn

**Số 140/SGGT-ĐHHL**

VV: Giải thích nguyên nhân chênh lệch lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2019 so với 6 tháng đầu năm 2018 trên báo cáo kiểm toán, chênh lệch lợi nhuận trên 5% trước và sau kiểm toán, chuyển từ lỗ sang lãi trên báo cáo hợp nhất

**No.: GGT-ĐHHL**

Re: Explanation of the reasons for profit difference between the first 6 months 2019 compared with the first 6 months 2018 in audited report, 5% difference of profit before and after auditing, transfer from loss to profit in consolidated report

Hải Phòng, ngày 15 tháng 08 năm 2019

Hai Phong, August 15<sup>th</sup> 2019

**Kính gửi:** ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC (SSC)  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI (HNX)

**Respectfully:** STATE SECURITIES COMMISSION (SSC)  
HANOI STOCK EXCHANGE (HNX)

Công ty Cổ phần Đồ hộp Hạ Long xin được giải trình lý do chênh lệch lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2019 so với 6 tháng đầu năm 2018 trên Báo cáo soát xét 6 tháng đầu năm 2019 của Công ty mẹ và hợp nhất như sau:

*Ha Long Canned Food Joint Stock Corporation would like to provide explanation of the reasons for profit difference between the first 6 months 2019 compared with the first 6 months 2018 from the audited separate and consolidated Financial Statements of Company as follows:*

**Báo cáo Công ty mẹ/ Separate Financial Statement:**

Chỉ tiêu	Item	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018	CHÊNH LỆCH	
		Fisrt 6 motnhs 2019	Fisrt 6 motnhs 2018	Tuyệt đối/ Absolute	Tương đối/ Percentage
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Revenue from sale of goods and rendering of services	185,649,151,037	169,556,682,505	16,092,468,532	9%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Deductions	2,395,166,383	893,527,940	1,501,638,443	168%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Net revenue from sale of goods and rendering of services	183,253,984,654	168,663,154,565	14,590,830,089	9%
4. Giá vốn hàng bán	Costs of goods sold and services rendered	135,410,055,707	133,575,785,421	1,834,270,286	1%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Gross profit from sale of goods and rendering of services	47,843,928,947	35,087,369,144	12,756,559,803	36%



Chỉ tiêu	Item	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018	CHÊNH LỆCH	
		<i>Fisrt 6 motnhs 2019</i>	<i>Fisrt 6 motnhs 2018</i>	Tuyệt đối/ <i>Absolute</i>	Tương đối/ <i>Percentage</i>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	Income from financial activities	5,023,793	613,484,896	(608,461,103)	-99%
7. Chi phí tài chính	Expenses from financial activities	663,072,343	(66,622,219)	729,694,562	1095%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	- <i>In which: Interest expenses</i>	645,484,493	-	645,484,493	
8. Chi phí bán hàng	Selling Expenses	38,190,813,966	34,437,644,368	3,753,169,598	11%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Administration Expenses	11,358,645,521	15,011,248,001	(3,652,602,480)	-24%
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>Operating profit</b>	<b>(2,363,579,090)</b>	<b>(13,681,416,110)</b>	<b>11,317,837,020</b>	<b>83%</b>
11. Thu nhập khác	Other income	241,278,323	702,136,134	(460,857,811)	-66%
12. Chi phí khác	Other expenses	155,582,153	89,587,247	65,994,906	74%
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>Other profit</b>	<b>85,696,170</b>	<b>612,548,887</b>	<b>(526,852,717)</b>	<b>-86%</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>Net profit before tax</b>	<b>(2,277,882,920)</b>	<b>(13,068,867,223)</b>	<b>10,790,984,303</b>	<b>83%</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	Current corporate income tax expense		20,000,000	(20,000,000)	-100%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	Deferred corporate income tax expense	-	-	-	0%
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>Net profit after tax</b>	<b>(2,277,882,920)</b>	<b>(13,088,867,223)</b>	<b>10,810,984,303</b>	<b>83%</b>

**Báo cáo hợp nhất/ Consolidated Financial Statement:**

Chỉ tiêu	Item	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018	CHÊNH LỆCH	
		<i>Fisrt 6 motnhs 2019</i>	<i>Fisrt 6 motnhs 2018</i>	Tuyệt đối/ <i>Absolute</i>	Tương đối/ <i>Percentage</i>
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Revenue from sale of goods and rendering of services	260,355,477,754	219,063,361,691	41,292,116,063	19%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Deductions	2,407,750,363	893,527,940	1,514,222,423	169%
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Net revenue from sale of goods and rendering of services</b>	<b>257,947,727,391</b>	<b>218,169,833,751</b>	<b>39,777,893,640</b>	<b>18%</b>
4. Giá vốn hàng bán	Costs of goods sold and services rendered	199,282,626,884	174,460,817,649	24,821,809,235	14%
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>Gross profit from sale of goods and rendering of services</b>	<b>58,665,100,507</b>	<b>43,709,016,102</b>	<b>14,956,084,405</b>	<b>34%</b>

0200  
 CÔNG  
 CỐ F  
 HỘ P  
 ALONG  
 QUYỀN

Chỉ tiêu	Item	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018	CHÊNH LỆCH	
		<i>Fisrt 6 motnhs 2019</i>	<i>Fisrt 6 motnhs 2018</i>	Tuyệt đối/ <i>Absolute</i>	Tương đối/ <i>Percentage</i>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	Income from financial activities	589,850,366	911,209,462	(321,359,096)	-35%
7. Chi phí tài chính	Expenses from financial activities	1,571,111,140	444,335,922	1,126,775,218	254%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	- In which: Interest expenses	1,198,657,271	361,275,403	837,381,868	
8. Chi phí bán hàng	Selling Expenses	40,876,579,271	36,009,058,111	4,867,521,160	14%
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Administration Expenses	15,648,226,576	17,956,825,626	(2,308,599,050)	-13%
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>Operating profit</b>	<b>1,159,033,886</b>	<b>-9,789,994,095</b>	<b>10,949,027,981</b>	<b>112%</b>
11. Thu nhập khác	Other income	313,972,123	1,033,802,872	(719,830,749)	-70%
12. Chi phí khác	Other expenses	263,818,727	89,587,247	174,231,480	194%
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>Other profit</b>	<b>50,153,396</b>	<b>944,215,625</b>	<b>(894,062,229)</b>	<b>-95%</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>Net profit before tax</b>	<b>1,209,187,282</b>	<b>-8,845,778,470</b>	<b>10,054,965,752</b>	<b>114%</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	Current corporate income tax expense	546,474,080	800,054,887	(253,580,807)	-32%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	Deferred corporate income tax expense			-	0%
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>Net profit after tax</b>	<b>662,713,202</b>	<b>-9,645,833,357</b>	<b>10,308,546,559</b>	<b>107%</b>

34475  
 STY  
 HÂN  
 HÀ LON  
 CANFOCO  
 TP.HÀ

Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ 6 tháng đầu năm 2019 là lỗ 2.2 tỷ, tức là giảm lỗ 10.8 tỷ, tương ứng tăng 83% so với 6 tháng đầu năm 2018. Nguyên nhân chủ yếu là trong năm 2019 doanh thu bán hàng tăng 9% trong khi giá vốn chỉ tăng 1%. Ngoài ra do Công ty cắt giảm được chi phí quản lý doanh nghiệp.

*The net profit of the parent company in the first 6 months 2019 is the loss of 2.2 bil, i.e reducing loss by 10.8 bil, equivalent to an increase of 83% compared with the first 6 months 2018. The explanation for this is the sale increased by 9% while the cost of sale only increased by 1%. In addition, our company reduced the administration expenses.*

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất 6 tháng đầu năm 2019 là 662 triệu, tức là tăng 10.3 tỷ, tương ứng tăng 107% so với 6 tháng đầu năm 2018, thuộc trường hợp chuyển từ lỗ năm trước chuyển sang lãi năm nay. Nguyên nhân chủ yếu là do việc cắt giảm các chi phí quản lý và doanh thu tăng 18%.

*The net consolidated profit of the first 6 months 2019 is 662 mil, i.e. increased by 10.3 bil, equivalent to an increase of 107% compared with the first 6 months 2018, this is under the case of transferring loss of the previous year to profit of this year. The explanation for this is due to the reduction of the administration expenses and the 18% increase in sale.*

Ngoài ra, so với báo cáo đã nộp Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội, lợi nhuận trước thuế và sau thuế 6 tháng đầu năm 2019 trên báo cáo Công ty chênh lệch hơn 5% so với báo cáo kiểm toán. Nguyên nhân là do công ty điều chỉnh lại một số khoản chi phí đã trích vượt so với thực tế.

*In addition, compared with reports having been submitted to SSC and HNX, the difference between the profit before tax and after tax is more than 5% to compare with the audited financial report. The main reason is that our company adjusted some expenses which we over-provisioned for.*

Công ty chúng tôi xin được giải trình với Quý Cơ quan.

*This is our explanation to the Esteemed Agencies.*

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY CP ĐỒ HỘP HÀ LONG**



**TỔNG GIÁM ĐỐC  
KEK CHIN ANN**

